TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 235/2019/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 04 tháng 06 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔNm VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 342/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Anh: Nguyễn Trung H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị: Trần Mỹ Anh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trung H và chị Trần Mỹ Anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn nên anh H và chị T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay, anh H và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể tồn tại nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh H và chị T .

[2] Về con chung: Anh H và chị T có một con chung tên Nguyễn Anh P sinh ngày 09/7/2015. Sau khi ly hôn, anh H được quyền nuôi con chung. Chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1000.000 *(Một triệu)* đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh H và chị T khai không có.

[4] Về nợ chung: Anh H và chị T khai không có.

[5] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm anh H, chị T mỗi bên nộp 150.000 *(Một trăm năm mươi ngàn) đồng*.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, anh H được quyền nuôi con chung là Nguyễn Anh P sinh ngày 09/7/2015. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 *(Một triệu)* đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

Chị T được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục hai con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích con chung sau này một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H, chị T mỗi bên nộp 150.000 *(Một trăm năm mươi ngàn)* đồng. Tổng số tiền lệ phí anh H, chị T phải nộp là 300.000đồng được khấu trừ theo biên lai thu số 0003207 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh H, chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***** Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Cc bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đỗ Thị Phượng